TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2017/DS-ST
Ngày: 19/9/2017
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tuấn.**
2. Bà **Lê Ái Nguyên.**

Thư ký Tòa án: Ông **Ngô Văn Trường -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST – DS ngày 08 tháng 3 năm 2017, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2017/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Doanh nghiệp tư nhân U.**

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chủ doanh nghiệp: Anh **Ngô V.P** – sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh **Bùi V.T** - sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn M.T** – sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chị **Trần H.T** - sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô V.P và chị Nguyễn M.T: Chị **Nguyễn Ngọc N.H** – sinh năm 1994. Địa chỉ: khóm K, phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chị H có mặt tại phiên tòa, Các đương sự khác có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2016 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Doanh nghiệp tư nhân U có đầu tư cho ông T 128 kg lúa giống RVT và 04 bao phân NPK, lúa có giá 16.000đ/1kg và phân có giá 670.000đ/1 bao. Tại hợp đồng kinh tế hai bên thỏa thuận cắt và thu hoạch lúa theo thời gian sinh trưởng của cây lúa từ 97 đến 105 ngày, thời gian thu hoạch từ 9 giờ đến 21 giờ. Giá lúa thu mua là 5.200đ/1kg, nếu thời điểm thu mua giá thị trường cao hơn giá sàn thì mỗi bên chịu 1/2 giá chênh lệch, nếu giá lúa xuống Doanh nghiệp không mua lúa thì chịu mất tiền lúa và phân bón đã đầu tư cho ông T.

Đến thời kỳ thu hoạch lúa sập, đổ dẫn đến kém phẩm chất bên Doanh nghiệp có bàn với ông T giá thu mua lúa của ông giá 4.700đ/1kg, nhưng ông T không đồng ý mà tự bán ra bên ngoài. Nhận thấy ông T vi phạm hợp đồng nên khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền lúa và phân Doanh nghiệp đâu tư là 4.728.000đ và yêu cầu bồi thường hợp đồng là 4.728.000đ. Tổng số tiền là 9.456.000đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Lý do Doanh nghiệp U thỏa thuận lại giá thu mua lúa của ông T là do giá lúa cùng loại với lúa ông T, tại thời điểm lúa ông T thu hoạch được các thương lái khác thu mua với giá từ 4.500đ đến 5.000đ/1kg, đồng thời lúa của ông T bị sụp đổ kém phẩm chất, nên Doanh nghiệp mới bàn với ông T là mua lúa của ông T với giá 4.700đ/1kg.

Chị H xác định, ông P chỉ ký hợp đồng với ông T, các giao dịch còn lại với ông T đều do anh P và anh K thực hiện với ông T, ông P không cung cấp được địa chỉ nơi ở hiện nay của anh P và anh K vì anh P không còn làm cho ông P và anh K thì bỏ địa phương đi làm thuê ở thành phố.

* Bị đơn, người liên quan ông T và bà Th xác định: Vợ chồng ông có ký hợp đồng với Doanh nghiệp như nêu trên. Đến thời kỳ thu hoạch lúa gần 1 tuần Doanh nghiệp có cho người vô định ngày cắt lúa, đến ngày cắt lúa theo Doanh nghiệp định thì ông T cắt lúa và vô bao sẵn, hai ba ngày sau có hai người xưng là người của Doanh nghiệp vô xem mẫu lúa và chê lúa xuống màu rồi bỏ ra về không mua lúa. Từ đó đến nay bên Doanh nghiệp không có ai vô hỏi mua lúa hay bàn bạc gì cả, do Doanh nghiệp vi phạm hợp đồng nên ông T và bà Th không đồng ý toàn bộ yêu cầu của Doanh nghiệp.

**** Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến như trình bày trước đây với Tòa án.

- Bị đơn ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Th vắng mặt tại phiên tòa không có nộp văn bản nêu ý kiến khác.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân U đối với ông Bùi V.T.

**** Các tình tiết của vụ án:***

- Doanh nghiệp tư nhân U có đầu tư cho ông T 128 kg lúa giống RVT và 04 bao phân NPK, lúa có giá 16.000đ/1kg và phân có giá 670.000đ/1 bao. Thỏa thuận giá sàn 5.200đ, nếu lúa lên thì mỗi bên chịu 1/2 phần chênh lệch giá, giá lúa xuống Doanh nghiệp không mua lúa thì chịu mất tiền lúa và phân bón.

- Doanh nghiệp xác định đến thời kỳ thu hoạch lúa ông T sập đổ, nên thỏa thuận mua lại với giá 4.700đ ông T không bán cho Doanh nghiệp mà tự ý bán người khác. Ông T xác định do Doanh nghiệp không mua lúa của ông T, không có việc ông T không bán lúa cho Doanh nghiệp và xác định lúa của ông T khi thu hoạch không bị sụp đổ.

- Giá lúa tươi cùng loại lúa ông T được Doanh nghiệp đâu tư được các thương lái thu mua trên thị trường từ 4.500đ - 5.000đ/1kg.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Doanh nghiệp tư nhân U khởi kiện yêu cầu ông T trả tiền phân bón và lúa gống và yêu cầu bồi thường hợp đồng, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do ông T và bà Th có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Các bên thừa nhận có ký kết hợp đồng kinh tế, bên Doanh nghiệp đầu tư cho ông T 128 kg lúa giống RVT và 04 bao phân NPK, lúa có giá 16.000đ/1kg và phân có giá 670.000đ/1 bao. Giá lúa thu

mua là 5.200đ/1kg, nếu thời điểm thu mua giá thị trường cao hơn giá sàn thì mỗi bên chịu 1/2 giá chênh lệch, nếu giá lúa xuống Doanh nghiệp không mua lúa thì chịu mất tiền lúa và phân bón đã đầu tư cho ông T. Tại thời điểm ký hợp đồng các bên có năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng có xác nhận của Trưởng ấp Mỹ T và Ủy ban nhân dân xã H, nên hợp đồng này có hiệu lực về mặt pháp luật. Đến thời điểm này, các bên trong tranh chấp cũng thừa nhận về nội dung của hợp đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, nên được Hội đồng xét xử làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn xác định có thỏa thuận lại giá lúa với ông T là 4.700đ, nhưng ông T không bán mà tự ý bán lúa ra bên ngoài. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định lý do Doanh nghiệp thỏa thuận lại giá với ông T là do lúa ông T bị sập đổ, đồng thời tại thời điểm ông T thu hoạch lúa thì giá lúa tươi cùng loại lúa của ông T trên thị trường được thu mua có giá từ 4.500đ - 5.000đ/1kg. Ông T xác định lúa của ông T không bị sập đổ và xác định Doanh nghiệp không thu mua lúa của ông như thỏa thuận trong hợp đồng.

- Doanh nghiệp U không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh lúa ông T đến thời kỳ thu hoạch bị sập đổ, không chứng minh được có vô mua lúa của ông T nhưng ông T không bán mà đã bán cho người khác.

- Từ đó có đủ căn cứ xác định lúa của ông T đến kỳ thu hoạch không bị sập đổ, do giá lúa trên thị trường thấp so với giá sàn trong hợp đồng mà Doanh nghiệp đã ký kết với ông T và Doanh nghiệp không vô mua lúa của ông T. Chứng tỏ Doanh nghiệp vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận với ông T, căn cứ theo các thỏa thuận trong hợp đồng thì Doanh nghiệp phải mất tiền phân bón và lúa giống đã cung cấp cho ông T.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Bùi V.T.

[7] Về án phí dân sự có giá ngạch trong vụ án:

- Do Doanh nghiệp tư nhân U không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên chủ Doanh nghiệp là anh Ngô V.P phải chịu án phí là 472.000đ.

- Ông T và bà Th không phải chịu án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 122 và Điều 428 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân U đối với ông Bùi V.T.

2. Về án phí dân sự:

- Buộc Doanh nghiệp tư nhân U (Chủ Doanh nghiệp là anh Ngô V.P) phải chịu án phí 472.000đ. Anh Ngô V.P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 236.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002909, ngày 20 tháng 01 năm 2017 và và số tiền 64.000đ tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002988, ngày 06 tháng 3 năm 2017 chuyển thu án phí 300.000đ, anh Ngô V.P phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 172.000đ.

- Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Đang

Nơi nhận
- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.